

HÌNH THỨC BIỂU ĐẠT CỦA UYỂN NGỮ TRONG BÁO CHÍ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Hoàng Thị Hương Giang*

1. Một trong những hiện tượng tu từ tồn tại trong các ngôn ngữ là *uyển ngữ*. Thuật ngữ *uyển ngữ* (*euphemism*) bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp từ thế kỷ XVI *Euphemismos* từ chữ *Euphemizein*, *eu* (well: tốt đẹp) và *-pHEME* (*speaking*: nói năng), có nghĩa là *nói cho nghe hay hơn và được định nghĩa là từ nhẹ nhàng, ít trực tiếp dùng để thay thế cho những từ thô lỗ, thẳng thừng khi đề cập những gì gây khó chịu hoặc gây lúng túng* (theo từ điển *Concise English*, Oxford University Press, 2004). Cho đến nay, *uyển ngữ* được định nghĩa một cách tinh tế hơn và mang nhiều sắc thái xã hội hơn. Các từ điển hiện đại định nghĩa *uyển ngữ* là *sự thay thế của một từ hay uyển ngữ, mơ hồ hay không trực tiếp đối với một từ ngữ khó nghe, thẳng thừng hoặc trực tiếp* [15, tr.410], hoặc là *một từ hay ngữ lịch sự mà người ta sử dụng khi nói về một điều mà họ hay những người khác cảm thấy khó chịu, bối rối như cái chết hoặc vấn đề giới tính* [16, tr.324]. Như vậy có thể khái quát lại về khái niệm *uyển ngữ* như sau: *Uyển ngữ là một từ hay một ngữ cố định được cấu tạo lại, diễn đạt lại từ một nội dung đã có, nhằm thể hiện một cách thích hợp hơn, tế nhị và thẩm mỹ hơn. Uyển ngữ còn là lời nói được sử dụng trong những tình huống hay văn bản giao tiếp lịch sự, sang trọng, đầy tri thức văn hoá, liên quan đến cái đẹp và sự hoàn thiện trong việc dùng từ ngữ.*

Uyển ngữ có mặt trong tất cả các ngôn ngữ, phục vụ hầu hết trong các lĩnh vực văn hoá của từng ngôn ngữ đó. Trong hoạt động giao tiếp, *uyển ngữ* thường liên quan đến phép lịch sự và những điều kiêng kỵ, cấm kỵ. *Uyển ngữ* thường mang hai đặc tính cơ bản là đề cao, thăng hoa những vấn đề cần ca ngợi, những vấn đề trân trọng trong cuộc sống và giảm bớt, làm nhạt bớt đi những gì có thể làm khó chịu, gây lúng túng và sợ hãi. Trong phong cách ngôn ngữ báo chí, *uyển ngữ* chuyển tải các chức năng liên quan đến nhận thức và diễn cảm, chúng không chỉ làm đa dạng hoá cho ngôn ngữ mà còn tô điểm cho ngôn ngữ được sử dụng thẩm mỹ hơn. Bởi thế các nhà báo luôn kết hợp sử dụng các *uyển ngữ* vào trong các nguồn tin tức mà như Fowler [17] *xem chúng như là sự diễn đạt nhẹ nhàng, mơ hồ, hay là lối nói vòng tránh trực tiếp đó là sự thay thế cho sự diễn đạt chính xác nhưng thẳng thừng hay những sự thật có thể gây khó chịu.* *Uyển ngữ* được sử dụng trong cả các lĩnh vực chung lẫn các vấn đề có tính chất riêng tư như các vấn đề về thất nghiệp, giới tính, sức khỏe, tình trạng nạo phá thai, vô sinh, đồng tính... Jack Waterford [18] khi bàn về độ nhạy cảm của người đọc đối với ngôn ngữ báo chí, đã đề xuất phương pháp hiệu quả để giao thiệp với họ là sử dụng các *uyển ngữ*.

* Đại học Khoa học Huế.

2. Trong ngôn ngữ báo chí, uyển ngữ có những hình thức và nội dung cụ thể. Xét dưới góc độ ngữ dụng học thì hình thức của uyển ngữ chính là các biểu thức chiếu vật, còn nội dung biểu đạt ở đây chính là phạm vi chiếu vật của uyển ngữ. Hình thức của uyển ngữ được nói tới là những biểu thức chiếu vật mang ý nghĩa chiếu vật. Việc nghiên cứu về hình thức của uyển ngữ tiếng Anh và tiếng Việt là cần thiết, để từ đó làm cơ sở so sánh, đối chiếu tìm ra những nét tương đồng và khác biệt về đặc điểm ngữ dụng của uyển ngữ trong báo chí hai ngôn ngữ Anh - Việt; đồng thời làm nền tảng cho việc thông hiểu hàm ý trong những uyển ngữ đó.

Vì chỉ nghiên cứu uyển ngữ trên bình diện ngữ dụng học, nên chúng tôi đề cập đến khái niệm hình thức của uyển ngữ ở đây là hình thức về mặt ngữ dụng học chứ không phải là hình thức cú pháp học. Dưới góc độ ngữ dụng học, uyển ngữ trong tiếng Anh chính là những biểu thức chiếu vật có ý nghĩa chiếu vật một cách gián tiếp đối với vấn đề được quy chiếu, ví dụ như *dosser* là biểu thức ngôn ngữ dùng để quy chiếu với *người không có chỗ ở phải sống lang thang dọc đường phố để ăn xin* và từ đó có ý nghĩa chiếu vật được suy ra là *người sống vỉa hè* thay cho biểu thức chiếu vật “*begger*” với nghĩa chiếu vật là *kẻ ăn mày*; hay *underprivileged children* là biểu thức chiếu vật về *những đứa trẻ lang thang, không có chỗ ở, không có người nuôi, gọi là trẻ em cơ nhỡ*.

Những biểu thức chiếu vật này xuất hiện vì những nhu cầu sử dụng ngôn ngữ của người nói, người viết muốn thay thế cho những biểu thức khác được xem là chưa hay, chưa đảm bảo tính lịch sự. Để tạo ra các biểu thức chiếu vật này người nói, người viết phải dựa vào những quy tắc hội thoại, những lễ thường cụ thể của tập tục văn hoá nào đó để người nghe, người đọc cũng phải dựa vào những kiến thức, kinh nghiệm hiểu biết của mình để xác định đúng nghĩa chiếu vật. Nếu người nghe, người đọc không xác định được nghĩa chiếu vật thì sẽ rơi vào tình trạng mơ hồ về chiếu vật.

Uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt về hình thức là những biểu thức chiếu vật được người viết lựa chọn để thay thế cho các biểu thức chiếu vật khác được coi là chưa hay, chưa lịch sự. Các biểu thức chiếu vật uyển tính trong tiếng Anh và tiếng Việt có hình thức cấu tạo rất đa dạng, có khi được cấu tạo bằng một từ, một cụm từ, một câu hay tương đương với một mệnh đề. Đặc biệt là đối với một số trường hợp trong tiếng Anh, các biểu thức chiếu vật này là sự thay đổi thì (*tense*) hay dạng bị động (*passive voice*).

Khảo sát 300 uyển ngữ ở báo chí tiếng Anh và tiếng Việt (báo điện tử) chúng tôi có bảng thống kê số lượng về hình thức cấu tạo như sau:

Ngôn ngữ	Từ		Cụm từ		Câu		Thì - dạng		Tổng	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Anh	153	51%	126	42%	14	4,7%	7	2,3%	300	100%
Việt	97	32,3%	199	66,4%	4	1,3%	0	0	300	100%

2.1. Uyển ngữ là một từ: Loại uyển ngữ này khá phổ biến trong tiếng Anh và trong tiếng Việt. Uyển ngữ là một từ ở đây có khi là một từ đơn (một thành tố) nhưng cũng có nhiều từ là từ ghép (được cấu tạo từ hai thành tố trở lên), có khi lại là các biến thể khác nhau.

2.1.1. **Uyển ngữ là những từ đơn:** Trong tiếng Anh có các uyển ngữ là những từ đơn như “sleep” (ngủ) thay cho “die” (chết), “period” (thời kỳ nguyệt san) thay cho “menstruation” (hành kinh), “counsel” (người bảo vệ công lý) thay cho “lawyer” (luật sư), “casket” (quách/linh cữu) thay cho “coffin” (hòm)... Trong khi đó, qua khảo sát thì loại uyển ngữ là một từ đơn trong tiếng Việt có nhưng không phổ biến, và chủ yếu đó là những động từ thay thế các động từ chỉ cái chết hay những hoạt động quan hệ giới tính ví dụ như các từ “mất”, “đi”, “ngủ”... thay cho “chết”, từ “ngủ” thay cho “giao hợp”, từ “mát” thay cho “gợi tình”, “hở hang”, hay như từ “toilet” là từ vay mượn gốc Ấn - Âu để nói tránh cho “nhà vệ sinh”, từ “nuy” là từ vay mượn để nói tránh cho “hở hang”, “khoả thân”.

2.1.2. **Uyển ngữ là những từ ghép:** Loại từ ghép xuất hiện nhiều trong tiếng Anh, đây là một lợi thế về đặc trưng loại hình ngôn ngữ Anh. Từ ghép có thể là danh từ ghép, tính từ ghép như từ “canhouse/barrel-house” (nhà chứa) thay cho “brothel”, từ “sanitary engineer” (chuyên gia vệ sinh) thay cho “dustman”, từ “hearing-impaired” (khiếm thính) thay cho “deaf”... Ngoài ra, theo Trương Viên [8], có một số trường hợp uyển ngữ được cấu tạo đặc biệt như sau:

- Thêm tiền tố phủ định “non” hay “un” trước danh từ hay tính từ để chuyển nghĩa thành uyển ngữ như “unwise” (không được thông minh) thay cho “stupid” (ngu, dốt), từ này được cấu tạo bởi một từ nguyên “wise” (thông minh, lanh lẹ) và một tiếp đầu ngữ phủ định “un” (không). Tương tự: “non-industrial” (nghèo, lạc hậu) thay cho “poor” (nghèo), “non-person” (người mất quyền công dân) thay cho “prisoner” (người đang chịu án, tội nhân).

- Cách cấu tạo danh động từ (gerund) bằng cách thêm -ing sau động từ như “frigging” (làm tình) thay cho “fucking” (giao cấu), “treating” (tiền trái phép) thay cho “bribery” (cửa hối lộ).

- Tính từ chuyển loại được dùng như danh từ ở dạng số nhiều như “inexpressibles”, “indescribables”, “unmentionables” (quần và đồ lót), “greens” (con gái còn trong trắng) thay cho “virgin girl” (gái trinh).

- Các giới từ (preposition) như *in*, *on* cũng có khi được dùng như tính từ để diễn tả một tình trạng như *to be on* thay cho *to be pregnant* (có bầu) ví dụ “I doubt she’s on again” (Tôi nghi bà ta có bầu) [9-60], *to be in* thay cho *be imprisoned* (đi tù) ví dụ “She was in the first for robbing” (Cô ta lần đầu vào tù vì tội ăn cắp) [9-115].

Về phần từ để cấu tạo nên biểu thức chiếu vật của uyển ngữ, có đầy đủ từ loại: danh từ, tính từ, động từ, giới từ. Uyển ngữ được cấu tạo bằng một từ rất phổ biến trong tiếng Anh.

Đối với tiếng Việt, uyển ngữ là những từ ghép xuất hiện nhiều hơn từ đơn. Những từ ghép này có cả danh từ, động từ và tính từ ví dụ các từ *qua đời*, *đi xa*, *tạ thế*, *khuyết núi*, *hy sinh*... thay cho *chết*; các từ *lên giường*, *sống thử*, *ăn nằm*, *vượt rào*, *qua đêm*, *lỡ đại*... thay cho *giao hợp*; các từ *tươi mát*, *mát mẻ* thay cho *hở hang*, *gợi tình*; *hoàn cảnh* thay cho *nghèo*, *túng thiếu*...

2.2. **Uyển ngữ là cụm từ:** Hình thức này rất phổ biến cả trong tiếng Anh lẫn tiếng Việt. Có lẽ cụm từ là phương tiện thuận lợi nhất để cấu tạo nên uyển ngữ trong tiếng Việt.

Các biểu thức chiếu vật của uyển ngữ được cấu tạo bằng một cụm từ rất đa dạng và phong phú, các biểu thức chiếu vật này bao gồm: cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ; riêng trong tiếng Anh, các uyển ngữ còn được cấu tạo từ những cụm giới từ.

2.2.1 Uyển ngữ từ những cụm danh từ (*noun phrases*). Trong tiếng Anh, nhiều biểu thức chiếu vật là những cụm danh từ như “*wrong time of the month*” (đến tháng) thay cho “*menstruation*” (hành kinh), “*cupid’s measles*” (bệnh phụ nữ) thay cho “*syphilis*” (bệnh giang mai), “*the Ministry of Defence*” (Bộ Quốc phòng) thay cho “*the Ministry of War*” (Bộ Chiến tranh). Trong tiếng Việt, uyển ngữ là những cụm danh từ được cấu tạo nhằm chủ yếu thay thế các tên gọi của các vấn đề tế nhị hay các tên gọi của một số nghề nghiệp hay các công việc có tính chất thấp kém trong xã hội..., ví dụ “*chuyện phòng the*”, “*chuyện vợ chồng*”, “*bản tình ca*”, “*chuyện ấy*”... thay cho “*việc sinh hoạt tình dục*”; “*tồn tại cần khắc phục, vấn đề bất cập*”... thay cho “*mặt yếu kém*”; “*công nhân vệ sinh*” hay “*anh/chị lao công*”... thay cho “*người quét rác*”; “*gái làng chơi*”, “*gái bán hoa*”, “*gái gọi*”... thay cho “*con đĩ*”, “*con điếm*”...

2.2.2. Uyển ngữ là những cụm động từ (*verb phrases*). Trong tiếng Anh, các biểu thức được cấu tạo là những cụm động từ như cụm “*go somewhere*” (đi vệ sinh) thay cho “*go to the toilet*”, cụm “*turn out upon the sheets*” (trở thành gái bán hoa) thay cho “*become a prostitute*” (biến thành con điếm), “*go to the heaven*” (lên thiên đàng) thay cho “*die*” (chết)... Đối với tiếng Việt, uyển ngữ là cụm động từ thường được sử dụng để thay thế cho những hành động có tính chất tế nhị như hoạt động giới tính, chết chóc nhằm làm cho sự diễn đạt lịch sự và tinh tế hơn hoặc tránh gây tổn thương cho người khác, ví dụ “*giải quyết nhu cầu sinh lý*”, “*làm chuyện đó*”, “*ăn cơm trước kẻng*”, “*ăn trái cấm*”, “*tiếp khách*”... thay cho “*quan hệ tình dục*”; “*trút hơi thở cuối cùng*”, “*về với cõi vĩnh hằng*”, “*về nơi an nghỉ*”, “*sang thế giới bên kia*”, “*an giấc ngàn thu*”... thay cho “*chết*”; “*có tin mừng*”, “*sắp làm mẹ*”, “*làm thiên chức phụ nữ*”... thay cho “*mang thai*”.

2.2.3. Uyển ngữ được cấu tạo từ những cụm tính từ. Phổ biến trong tiếng Anh là các trường hợp sử dụng cụm tính từ như “*not very bright*” (không sáng dạ) thay cho “*stupid*” (ngu, dốt), “*written out of the script*” (thôi hợp đồng) thay cho “*dismissed from employment*” (bị đuổi việc, thất nghiệp)... Mục đích của việc sử dụng uyển ngữ trong báo chí tiếng Anh rất phong phú, có thể là để nói giảm, nói tránh nhưng cũng có thể là để mỉa mai, châm biếm hoặc cũng có thể là để hài hước, gây cười. Trong tiếng Việt, để thay thế cho những tính từ miêu tả về những tính chất, trạng thái không được bình thường, dễ gây khó chịu hay tránh đụng chạm đến nỗi đau của người khác, các uyển ngữ được cấu tạo như những cụm tính từ được sử dụng để thực hiện chiến lược này ví dụ “*không thông minh lắm*”, “*không sáng dạ*”... thay cho “*yếu*”, “*kém*”, “*dốt*”; “*thu nhập thấp*”, “*mức sống thấp*”, “*khó khăn về kinh tế*”... thay cho “*nghèo*”.

2.2.4. Uyển ngữ được cấu tạo từ những cụm giới từ. Hình thức này rất đặc biệt, chỉ tồn tại trong tiếng Anh và không có trong tiếng Việt. Tiếng Anh có cách cấu tạo cụm giới từ như “*off the voting list*” (đã mất) thay cho “*dead*” (chết), “*in bed*” (ngủ, lên giường) thay cho “*copulate*” (giao hợp), “*in nature’s garb*” (tình trạng không áo quần) thay cho “*nake*” (trần truồng).

2.3. Uyển ngữ là một câu. Dạng nói tránh, nói vòng bằng những câu uyển tính trong giao tiếp hàng ngày có lẽ rất phổ biến và quen thuộc. Nhưng với loại hình văn bản đưa tin

như báo chí thì người viết bao giờ cũng tìm cách diễn đạt sao cho thật gọn và dễ hiểu. Cho nên, khi dùng uyển ngữ hay cách diễn đạt uyển tính cần phải gần gũi với đối tượng người đọc. Bởi vậy, những sự diễn đạt có ẩn ý cao xa, bay bổng ít tìm thấy trong báo chí, trừ những trường hợp người viết không muốn nói rõ ra với mục đích giữ thể diện, tránh gây tổn thương đối tượng, hoặc tăng thêm một phần hoa mỹ cho câu từ trong bài viết. Trong báo chí tiếng Anh, loại uyển ngữ có cấu tạo là một câu hay tương đương một mệnh đề xuất hiện rất ít, có chăng thì chủ yếu là những đoạn trích trong các lời tuyên bố hay phát biểu của một ai đó, ví dụ:

- He's behaving really stranger, he should be in an institution. [9-115] (Anh ta cư xử thật lạ lùng, anh ta nên vào nhà thương thôi) thay cho "He is mad" (Anh ta bị điên rồi)

- He is not interested in the opposite sex. [9-120] (Anh ta chẳng quan tâm gì đến người khác phái) thay cho "He is a gay" (Anh ta bị bê đê)

Ngoài các hình thức cấu tạo trên, theo Trương Viên [8, tr.96], trong tiếng Anh có những trường hợp người ta dùng thì (*tense*), hoặc dạng câu bị động (*passive voice*) để diễn đạt uyển tính, thí dụ: *He has been known to take a bribe now and then* (Người ta cho là lâu nay anh ta nhận hối lộ) thay cho *He takes a bribe now and then* (Anh ta ăn hối lộ).

Đối với tiếng Việt, loại uyển ngữ là một câu, tương đương một mệnh đề ít xuất hiện hơn, đặc biệt là trong ngôn ngữ báo chí. Chỉ một số trường hợp trong hội thoại, có những ý kiến bất đồng với người khác, người nói tránh động chạm lòng tự ái hay muốn tạo sự dễ chịu cho người nghe bằng sự diễn đạt khéo léo và từ đó thực hiện chiến lược thuyết phục người nghe, ví dụ: *Anh/chị nói đúng, nhưng theo thiện ý của tôi, có chi tiết này chúng ta nên cùng nhau xem lại trước khi thống nhất.* [9-44] Hàm ý ở đây là *Tôi không nhất trí ý kiến của anh/chị, vấn đề này cần phải bàn lại* nhưng nếu nói một cách trực tiếp như thế sẽ không thể hiện tính lịch sự, tao nhã và dễ làm mất lòng, gây khó chịu cho người nghe.

Để tăng hiệu quả ngữ dụng ở đối tượng tiếp nhận thì bên cạnh hình thức biểu đạt của uyển ngữ, người nói, người viết cũng phải chú ý đến cách thức biểu đạt. Khi muốn thông tin của mình đến với người nhận một cách lịch sự, tế nhị hơn, người phát ngôn không muốn dùng những phương tiện ngôn ngữ trực tiếp mà lựa chọn công phu các từ ngữ mang uyển tính để sử dụng. Với hình thức là những biểu thức chiếu vật gián tiếp thay thế cho những biểu thức chiếu vật trực tiếp được coi là thẳng thừng, có thể làm mất tính lịch sự và gây khó chịu cho người khác uyển ngữ bao giờ cũng có cách biểu đạt gián tiếp (*indirect*), hàm ẩn (*implicit*). Có thể xem cách biểu đạt gián tiếp của uyển ngữ trong các ví dụ sau:

- The fattest man who came to Marienbad this year weighs, in nature's grab, 199 kilograms!... [6-27] (Người đàn ông mập nhất đã đến thành phố Marienbad năm nay nặng 199 kg và trong trang phục Adam...)

- Congratulations to John and Carrie on them "renting out the guest room." [6-46] (Chúc mừng John và Carrie đã có tin vui.)

Rõ ràng trong các phát ngôn trên, các uyển ngữ đã đề cập một cách gián tiếp đến các vấn đề muốn nói đến vì những lý do như đã nêu với "*in nature's garb*" thay cho "*naked*" (trần như nhộng), "*renting out the guest room*" thay cho "*pregnancy*" (có thai)... Kiểu diễn đạt gián tiếp như thế là đặc trưng ngữ dụng của uyển ngữ.

Với loại hình văn bản đưa tin như báo chí thì người viết bao giờ cũng tìm cách diễn đạt sao cho thật gọn và dễ hiểu, đảm bảo người đọc có thể xác định được nghĩa chiếu vật của các biểu thức chiếu vật trong diễn ngôn đó. Khác với ngôn ngữ văn chương hay các phát ngôn trong giao tiếp đời thường, những sự diễn đạt có ẩn ý cao xa, bay bổng ít xuất hiện trên báo chí, những trường hợp người viết không muốn nói rõ ra với mục đích giữ thể diện, tránh gây tổn thương người khác mà chỉ làm tăng thêm một phần hoa mỹ cho câu từ trong bài viết.

Ví dụ ta có một câu mang ẩn ý một cách uyển tính trong báo chí tiếng Anh như sau “If she has been a loon, it was your son made her sae, and he can make her an honest woman again.” [6-27] (Nếu cho cô ta là loại không ra gì, thì chính con ông đã chiếm đoạt cô ta chứ, và cậu ta có thể làm cho cô ấy trở lại một người phụ nữ tốt). Ẩn ý của “it was your son made her sae” (chính con ông đã chiếm đoạt cô ta) là con ông cũng không tốt hơn cô ta, và “he can make her an honest woman again” (cậu ta có thể làm cho cô ấy trở lại một người phụ nữ tốt) hàm ý rằng “cậu ta nên cưới người phụ nữ mà mình đã ăn nằm đó”.

Cũng như tiếng Anh, uyển ngữ trong tiếng Việt cũng được biểu đạt qua nghĩa gián tiếp. Trong báo chí tiếng Việt có vô số uyển ngữ tương đương diễn đạt một cách gián tiếp đến các vấn đề mà người nói, người viết không muốn đề cập trực tiếp, ví dụ:

- Thế nhưng, một cuộc nghiên cứu mới đây ở Mỹ cho thấy: nơi những lớp trẻ tiếp cận với các bài học giới tính từ trong nhà trường, tuổi **biết ăn trái cấm** lần đầu tiên đã chậm đi bảy tháng so với trung bình. [19]

- Lượng testosterone dồi dào đồng nghĩa với những cơn hưng phấn trời dậy. Điều này cũng giải thích tại sao những phụ nữ khỏe mạnh thường dễ **“bật đèn xanh”** hơn [20]. Ẩn ý ở đây là một phụ nữ khỏe mạnh thường có nhu cầu sinh lý cao hơn nam giới và có thể “phát tín hiệu trước”. Nhưng với truyền thống người Việt, khi đề cập đến lĩnh vực giới tính thì thường cho rằng nam giới là phía chủ động chứ không phải nữ giới (Trâu đi tìm cộc, ai đòi cộc đi tìm trâu) và càng phải dùng cách nói uyển tính chứa ẩn ý một cách gián tiếp. Có khi đây là một nhận xét tích cực nhưng cũng có thể là có ý tiêu cực đối với nữ giới.

Trong các tình huống người viết khó diễn đạt trực tiếp những vấn đề cần đề cập, uyển ngữ luôn có mặt để thực hiện nhiệm vụ chuyển nghĩa gián tiếp, giúp người viết và người đọc cảm thấy dễ chịu hơn. Đặc điểm này trong tiếng Việt giống với tiếng Anh và có lẽ là đặc điểm chung của các ngôn ngữ.

3. Dưới góc độ ngữ dụng học, chúng tôi xem hình thức của uyển ngữ là những biểu thức chiếu vật. Ý nghĩa chiếu vật này được thể hiện trên các nội dung cụ thể, cần lưu ý, đề cập. Các biểu thức chiếu vật này có ý nghĩa hành vi. Đó là cách nói tránh, nói giảm trong những tình huống được xem là tế nhị, có thể gây tổn thương cho người khác, thậm chí đối với ngay cả chính người nói. Hình thức cấu tạo của các biểu thức chiếu vật có thể là một từ, một cụm từ hay là một câu. Riêng một số trường hợp trong tiếng Anh, các biểu thức chiếu vật uyển tính này có thể được cấu tạo dưới dạng biến đổi thì (tense) hay dạng câu bị động (passive voice) để diễn đạt lời nói giảm đây uyển tính. Hình thức biểu đạt của uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt có những nét tương đồng với nhau, đó là:

Dưới góc độ ngữ dụng học, uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt đều là những biểu thức chiếu vật. Những biểu thức chiếu vật này là những biểu thức ngôn ngữ dùng để

biểu thị về một thực thể, đặc tính, quan hệ hay sự kiện nào đó đến với người nghe. Các biểu thức chiếu vật này được thành lập bằng các phương thức là phương thức dùng tên riêng và biểu thức miêu tả. Phương thức dùng tên riêng nói chung ít phổ biến, chủ yếu xuất hiện trong một số trường hợp kiêng kỵ khi nhắc đến tên của Chúa như *Jis, Jeeze, Gee*. Còn lại, các uyển ngữ chủ yếu là các biểu thức miêu tả xác định và biểu thức miêu tả không xác định. Ví dụ “*underprivileged children*” trong tiếng Anh và “*trẻ em cơ nhỡ*” trong tiếng Việt là những biểu thức miêu tả không xác định, “*the household manager*” trong tiếng Anh và “*một người quản lý gia đình*” trong tiếng Việt là những biểu thức miêu tả. Uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt bao giờ cũng mang nghĩa chiếu vật gián tiếp đối với đối tượng được chiếu vật. Bởi vì các biểu thức chiếu vật này là những biểu thức ngôn ngữ dùng để thay thế các biểu thức ngôn ngữ khác được coi là quá trực tiếp, thẳng thừng hoặc coi là chưa hay, chưa lịch sự.

Tuy nhiên, sự khác biệt về loại hình giữa hai ngôn ngữ Anh - Việt dẫn đến sự khác biệt trong việc cấu tạo của các biểu thức chiếu vật uyển tính. Khi các biểu thức chiếu vật là một từ thì tiếng Anh là ngôn ngữ có lợi thế hơn trong việc cấu tạo. Tiếng Anh thuộc loại biến hình, hoà kết, từ có thể được thay đổi để cấu tạo từ và nghĩa mới. Ngược lại, tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập nên không có những phương thức cấu tạo từ như tiếng Anh. Việc dùng một từ thường không diễn đạt được hết ý nghĩa chiếu vật, đặc biệt là ý nghĩa chiếu vật có tính vòng vo, gián tiếp của uyển ngữ. Cho nên tiếng Việt có xu hướng dùng cụm từ nhiều hơn là dùng từ. Sự khác biệt này dẫn đến sự khác biệt về mặt số lượng cấu tạo, đó là các biểu thức chiếu vật trong tiếng Anh là từ được dùng với số lượng nhiều hơn tiếng Việt. Ngược lại, số lượng cụm từ trong tiếng Việt lại nhiều hơn tiếng Anh. Đặc biệt trong tiếng Anh tồn tại uyển ngữ có cấu tạo là những cụm giới từ mà tiếng Việt lại không có loại cụm từ này mà lại có các cách diễn đạt bằng các cụm từ khác. Ví dụ: tiếng Anh có cụm giới từ “*in bed*”, “*over night*” thì tiếng Việt lại dùng các cụm động từ “*lên giường*”, “*qua đêm*”... Ngoài ra trong một số trường hợp tiếng Anh có hình thức thì (*tense*) hay dạng câu bị động (*passive voice*) để tạo nên nét nghĩa uyển tính thì tiếng Việt không có khả năng này. Điều này cũng lý giải sự khác nhau về số lượng uyển ngữ được cấu tạo một câu trong tiếng Việt ít hơn trong tiếng Anh.

4. Qua việc phân tích đối chiếu các đặc điểm về hình thức biểu đạt của uyển ngữ trong báo chí tiếng Anh và tiếng Việt, bài viết đã rút ra được một số điểm tương đồng và khác biệt trong việc cấu tạo hình thức của báo chí Anh - Việt. Những nét tương đồng chủ yếu là xuất phát từ mục đích sử dụng uyển ngữ giống nhau trong việc thể hiện tình cảm, vấn đề lịch sự mà người Anh và người Việt hay bất cứ quốc gia nào cũng muốn sử dụng và đạt được. Còn những nét khác biệt là do những đặc trưng loại hình ngôn ngữ khác nhau tạo nên trong việc cấu tạo dẫn đến có sự khác nhau trong hình thức của các biểu thức chiếu vật. Thông qua sự tìm hiểu hình thức biểu đạt của uyển ngữ trong báo chí tiếng Anh và tiếng Việt, chúng tôi mong đóng góp một cái nhìn mới, một hướng tiếp cận mới trong việc nâng cao hiệu quả giao tiếp, ứng dụng trong việc dạy và học tiếng Anh và tiếng Việt như một ngoại ngữ, hỗ trợ đắc lực trong công tác biên dịch, phiên dịch ngôn ngữ Anh - Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hiếu Ánh, *Hướng dẫn dịch và đọc báo chí tiếng Anh*, NXB Đà Nẵng, 1995.
2. Lê Đình Bì, *Phương pháp dịch báo chí tiếng Anh*, NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 1999.
3. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, tập hai – Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, 2001.
4. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục Hà Nội, 1999.
5. Nguyễn Chiến, *Uyển ngữ xét từ góc độ lịch sử và cấu tạo*, *Ngữ học trẻ*, *Ngôn ngữ học Việt Nam*, tr.170-173, 1996.
6. Lê Hồng Quang, *Uyển ngữ nói về giới tính của tiếng Anh và tiếng Việt*, luận văn Thạc sỹ ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Huế, 2007.
7. Nguyễn Đăng Sửu, *Vòng vo tam quốc hay uyển ngữ*, *Ngữ học trẻ*, *Hội Ngôn ngữ học*, 2002.
8. Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1989.
9. Trương Viên, *Nghiên cứu uyển ngữ trong tiếng Anh và việc chuyển dịch sang tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
10. Trương Viên, *Uyển ngữ trong lĩnh vực chiến tranh và quan hệ quốc tế*, *Kỷ yếu Ngữ học trẻ*, tr.444-448, 2002.
11. Allan, K. & Kate Burridge, *Euphemism and Dysphemism – Language Used as Shield and Weapon*, Oxford University Press, 1990.
12. Asher, R.E, *An Encyclopedia of Language and Linguistics*, Blackwell Publishers, 1994.
13. Austin, J.L, *How To Do Things With Words*, Cambridge, Mass; Harvard University Press, 1962.
14. Ayto, J., *Bloombury Dictionary of Euphemisms*, Bloombury Publishing Plc, 2000.
15. Catford, J.C, *A Linguistics Theory of Translation*, Oxford University Press, 1965.
16. *Cobuild English Learner's Dictionary*, William Collins Sons & Co.Ltd, 1992.
17. Fowler, R., *Linguistics Criticism*, Oxford University Press Inc. New York, 1996.
18. <http://www.presscouncil.org.au/pcsite/apcnews/feb02/waterford.html>
19. <http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx>

20. <http://www.thanhnien.com.vn/news/default.aspx>
21. <http://www.nld.com.vn/tintuc/suc-khoe/gioi-tinh/152225.asp>
22. <http://www.time.com/time/>
23. <http://observer.guardian.co.uk/>